

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2026

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích;

Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2025/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Liên E, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cước công dân số: 083178009871, cấp ngày 12/8/2021.

Bà Trần Thị Liên E có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04 tháng 11 năm 2025

– Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cước công dân số: 083082013353, cấp ngày 03/01/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/9/2025, bản tự khai ngày 12/9/2025, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Liên E trình bày:*

Bà và ông Lê Văn T cưới nhau và chung sống từ năm 2004 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T) vào năm 2004. Sau khi cưới thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Đến tháng 06 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông Lê Văn T bất đồng quan điểm không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã, ông Lê Văn T hau cự cãi không lo cho gia đình ba đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không sửa đổi, dẫn đến tình cảm không còn như trước. Nên B và ông Lê Văn T đã ly thân từ tháng 06 năm 2025 cho đến nay. Hiện tại bà xác định không còn tình cảm với ông Lê Văn T, nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn T1, sinh ngày 22/05/2005. Khi ly hôn con chung đã thành niên và đã có khả năng lao động nên bà Trần Thị Liên E không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với ông Lê Văn T là bị đơn trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Lê Văn T đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai, ý kiến của ông.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng thành phần và các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được tòa á triệu tập hợp lệ nên bị đơn không chấp hành tốt quy định của pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Liên E đối với ông Lê Văn T

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn T1, sinh ngày 22/05/2005. Khi ly hôn con chung đã thành niên và đã có khả năng lao động, nên không xét đến.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Trần Thị Liên E khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn T. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lê Văn T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Liên E có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/11/2025; bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Liên E, ông Lê Văn T là phù hợp với Điều 227, 228 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4].*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T cưới nhau vào năm 2004 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã T (nay là xã T) theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị

Liên E và ông Lê Văn T được công nhận hợp pháp. Nay bà Trần Thị Liên E yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T, ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2025 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng những lần hòa giải ông Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông Lê Văn T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này, giữa bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Liên E đối với ông Lê Văn T.

[5]. *Về con chung:* Quá trình chung sống bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T có 01 con chung tên Lê Văn T1, sinh ngày 22/05/2005. Khi ly hôn con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động nên không xét đến.

[6]. *Về tài sản chung:* Bà Trần Thị Liên E khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. *Về nợ chung:* Bà Trần Thị Liên E khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Liên E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147; 227; 228; 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Liên E đối với ông Lê Văn T. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Liên E và ông Lê Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có Lê Văn T1, sinh ngày 22/05/2005. Khi ly hôn con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), nên Hội đồng xét xử không xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Liên E khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Liên E khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Liên E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Liên E đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006496 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự khu tỉnh Vĩnh Long. Vậy bà Trần Thị Liên E đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị Liên E, ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (phòng KTNV - THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Thới Thuận, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hoàng M – Nguyễn Tường Bích Đình Quốc H

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Vĩnh Long (phòng KTNV - THA); **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Chi cục THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- UBND xã Tân Thủy, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đinh Quốc Hiếu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

..... -

Trần Thị Mỹ Duyên